

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán								Quyết toán								So sách (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ			Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG SỐ	4,738,711	4,738,473	238	0	238	0	238	0	5,110,550.91	4,737,364.15	373,186.76	0.00	373,186.76	17,686.76	341,277.00	14,223.00	108%	100%	156801%		156801%		143394%	
1	Huyện Điện Biên	730,749	730,725	24		24		24		771,231.15	729,616.15	41,615.00		41,615.00	3,000.00	38,115.00	500.00	106%	100%	173396%		173396%		158813%	
2	Huyện Tuần giáo	633,286	633,248	38		38		38		669,778.00	633,248.00	36,530.00		36,530.00		36,420.00	110.00	106%	100%	96132%		96132%		95842%	
3	Huyện Mường Ảng	396,010	395,991	19		19		19		410,939.00	395,991.00	14,948.00		14,948.00		12,609.00	2,339.00	104%	100%	78674%		78674%		66363%	
4	Huyện Mường Chà	455,759	455,740	19		19		19		485,414.00	455,740.00	29,674.00		29,674.00		29,314.00	360.00	107%	100%	156179%		156179%		154284%	
5	Huyện Tủa Chùa	418,680	418,661	19		19		19		457,737.00	418,661.00	39,076.00		39,076.00		36,570.00	2,506.00	109%	100%	205663%		205663%		192474%	
6	Huyện Mường Nhé	463,046	463,027	19		19		19		523,232.76	463,027.00	60,205.76		60,205.76	5,358.76	52,163.00	2,684.00	113%	100%	316872%		316872%		274542%	
7	Huyện Điện Biên Đông	591,354	591,335	19		19		19		637,003.00	591,335.00	45,668.00		45,668.00		43,063.00	2,605.00	108%	100%	240358%		240358%		226647%	
8	TP. Điện Biên phủ	390,739	390,701	38		38		38		435,620.00	390,701.00	44,919.00		44,919.00	9,328.00	35,205.00	386.00	111%	100%	118208%		118208%		92645%	
9	Thị xã Mường Lay	127,143	127,119	24		24		24		132,690.00	127,119.00	5,571.00		5,571.00		5,561.00	10.00	104%	100%	23213%		23213%		23171%	
10	Huyện Nậm Pồ	531,945	531,926	19		19		19		586,906.00	531,926.00	54,980.00		54,980.00		52,257.00	2,723.00	110%	100%	289368%		289368%		275037%	